TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**321**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Hoàng Anh
Ông Trần Đức Nhuận

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:86/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Vũ Kim N, sinh năm 1991**

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện K, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn N C, sinh năm 1989**

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện K, thành phố Hà Nội.

Hiện đang điều trị tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội - thôn Xuân J, xã M, thị xã S, thành phố Hà Nội.

(Chị N và anh C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Kim N là Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn N C kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 08/7/2009, theo

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77, quyển số 2009. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không tú chí làm ăn, thường xuyên dùng chất gây nghiện nên không làm chủ được bản thân. Khi không làm chủ được bản thân anh C luôn hoang tưởng cho rằng chị đi chơi rồi về ghen tuông đánh chửi chị thậm tệ. Không chịu được sự mệt mỏi, căng thăng trong cuộc sống chung vợ chồng nên năm 2018, chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở và sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh C đã được gia đình bên nội cho đi cai nghiện tự nguyện Nều lần nhưng chỉ được thời gian ngắn thì anh C lại tái nghiện. Khi ly thân, anh C cũng không để cho cuộc sống của mẹ con chị yên ổn mà anh ta đi đâu cũng nói xấu và đe dọa chị. Anh C nói nếu chị làm đơn ly hôn thì sẽ giết chị, anh ta lên cả face-book và zalo nói xấu chị khiến chị và các con xấu hổ với mọi người vì những điều không có thật do anh C đặt điều nói xấu. Gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ, hòa giải để vợ chồng chị đoàn tụ nhưng Nều năm ly thân anh C vẫn không có gì thay đổi, thậm chí lối sống và sức khỏe còn tồi tệ hơn trước. Tháng 5/2024, anh C lại tiếp tục được gia đình cho đi cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện số 7, Hà Nội. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân 7 năm nay không còn sự quan tâm, yêu thương chăm sóc nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn N C để hai bên ổn định cuộc sống mới, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung :

Chị có anh C có 02 người con chung là cháu Nguyễn N Duy Khánh, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Nguyễn N Tuyết N, sinh ngày 01/10/2013. Hiện tại, cả hai con đều đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con và không yêu cầu anh C đóng góp phí tổn nuôi con hằng tháng. Đây cũng là nguyệnvọng của hai cháu nên đề nghị Toà án xem xét, chấp nhận.

Về tài sản chung, C sức, Nợ:

Vợ chồng chị không có tài sản chung, C sức hay nợ gì ai, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Do điều kiện C việc rất bận nên chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra chị N không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn N C trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã Nều lần đ□ợc Toà án triệu tập hợp lệ đến Toà án để công khai chứng cứ, hoà giải về việc chị Vũ Kim N xin ly hôn nh□ng do điều kiện hiện nay anh C đang đi cai nghiện ma túy nên vắng mặt. Ngày 12/7/2024 Tòa án đã tiến hành

gặp và lấy lời khai của anh Nguyễn N C tại cơ sở cai nghiện số 7 Hà Nội, anh C có lời khai cụ thể với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Vũ Kim N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 08/7/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn kinh doanh bị thua lỗ nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Do buồn chán nên anh đã không kìm chế được bản thân dẫn đến nghiện chất kích thích. Gia đình anh đã ba lần đưa anh đi tự nguyện cai nghiện để cho anh có điều kiện từ bỏ chất kích thích làm lại cuộc sống, lần gần đây nhất gia đình đưa anh đến cơ sở cai nghiện số 7 Hà Nội để cai nghiện là ngày 22/5/2024.

Năm 2017 chị N đã về nhà mẹ đẻ ở, không còn tình cảm với anh mặc dù anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N vẫn kiên quyết không đồng ý và làm đơn xin ly hôn anh. Hiện tại anh thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng rất căng thẳng, không còn tình cảm gì với nhau, đã ly thân thời gian dài nên chị Vũ Kim N có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung :

Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn N Duy Khánh, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Nguyễn N Tuyết N, sinh ngày 01/10/2013. Sau khi ly hôn anh đồng ý để cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung vì hiện nay anh đang đi cai nghiện nên chưa có điều kiện để nuôi và cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung của vợ chồng : Vợ chồng anh không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Các khoản nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Hiện nay anh đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 7 Hà Nội, do nên không thể đến tòa án giải quyết việc chị N xin ly hôn được. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án theo yêu cầu của chị Vũ Kim N và theo nguyện vọng tại theo lời khai ở trên của anh.

Tại phiên tòa chị N, anh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến tr- ớc thời điểm hội đồng xét xử nghị án nh- sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đ- ơng sự:

Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét C nhận việc thuận tình ly hôn của chị Vũ Kim N và anh Nguyễn N C.

-*Về con chung:*

Giao cho chị Vũ Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn N Duy Khánh, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Nguyễn N Tuyết N, sinh ngày 01/10/2013 và không yêu cầu anh C đóng góp phí tổn nuôi con hằng tháng.

- *Về tài sản chung và công nợ:*

Chị N, anh C không yêu cầu tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

-*Về án phí:*

Vụ án thụ lý ngày 01/12/2023, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được C khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp, chị Vũ Kim N yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn N C nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là: " Tranh chấp ly hôn".

Bị đơn anh Nguyễn N C, có địa chỉ cư trú tại thôn 5 xã N, huyện K, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn trong vụ án anh Nguyễn N C trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đ- ợc toà án triệu tập Nều lần nh- ng đều vắng mặt. Nay chị N và anh C cùng có đơn và lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a,b,đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dụng vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Kim N và anh Nguyễn N C kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 08/7/2009, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77, quyển số 2009. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy việc kết hôn là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi chị N và anh C kết hôn thực tế cuộc sống chung vợ chồng hòa hợp cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn kinh doanh bị thua lỗ nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Do buồn chán nên anh C đã không kìm chế được bản thân dẫn đến nghiện chất kích thích. Gia đình anh C đã ba lần đưa anh đi tự nguyện cai nghiện để cho anh C có điều kiện từ bỏ chất kích thích làm lại cuộc sống, lần gần đây nhất gia đình đưa anh C đến cơ sở cai nghiện số 7 Hà Nội để cai nghiện là ngày 22/5/2024.

Năm 2017 chị N đã về nhà mẹ đẻ ở, không còn tình cảm với anh mặc dù anh C vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N vẫn kiên quyết không đồng ý và làm đơn xin ly hôn anh. Hiện tại anh C thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng rất căng thẳng, không còn tình cảm gì với nhau, đã ly thân thời gian dài nên chị Vũ Kim N có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý thuận tình ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa chị N và anh C không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, nên việc C nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 19 và 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đ- ợc chấp nhận.

Về con chung:

Vợ chồng chị N và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn N Duy Khánh, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Nguyễn N Tuyết N, sinh ngày 01/10/2013. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung , anh C không có yêu cầu tranh chấp về việc nuôi con, anh chị đều tôn trọng nguyện vọng của con chung. Chị N có chỗ ở, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện khả năng nuôi con, anh C hiện đang đi cai nghiện nên chưa có điều kiện để nuôi và cấp dưỡng cho các con. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn N Duy Khánh, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Nguyễn N Tuyết N, sinh ngày 01/10/2013 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi cháu Khánh và N thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Về tài sản chung:

Anh C chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về C nợ:

Quá trình giải quyết vụ án cho đến tr- ớc khi Toà án công khai chứng cứ và ra quyết định đ- a vụ án ra xét xử anh C bị đơn không có yêu cầu phản tố về C nợ và tài sản chung nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đ- ơng sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3].Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Vũ Kim N và anh Nguyễn N C mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyên của chị N tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm thay cho anh C nên chị N phải nộp số tiền án phí là 150.000 đồng. Chị Vũ Kim N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 4031 ngày 27/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chị N còn được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

Chị N và anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 28; 35; 39; 147; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19; 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Kim N. C nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Kim N và anh Nguyễn N C.

2.Về con chung:

Giao cho chị Vũ Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn N Duy Khánh, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Nguyễn N Tuyết N, sinh ngày 01/10/2013.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi cháu Khánh, N thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác. Không ai đ- ợc ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung

3.Tài sản chung vợ chồng: Anh C chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về C nợ: Quá trình giải quyết vụ án cho đến tr- ớc khi Toà án công khai chứng cứ và ra quyết định đ- a vụ án ra xét xử anh C bị đơn không có yêu cầu phản tố về C nợ và tài sản chung nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đ- ơng sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Án phí: Chị Vũ Kim N và anh Nguyễn N C mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyên của chị N tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm thay cho anh C nên chị N phải nộp số tiền án phí là 150.000 đồng. Chị Vũ Kim N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 4031 ngày 27/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chị N còn được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

Án xử C khai sơ thẩm.

Chị N, anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Tuấn